

**CÔNG TY TNHH TM VÀ XD VĂN ĐẠI PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM VÀ XD VĂN ĐẠI PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400821558

**3. Ngày thành lập:** 30/08/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Thượng, Xã Cẩm Đàn, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 01648046161

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                            | 4520     |
| 2.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                     | 7912     |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                     | 4543     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                  | 1629     |
| 5.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy may công nghiệp.                                            | 7730     |
| 6.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                    | 7710     |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                 | 4210     |
| 8.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện dưới 35kv. | 4290     |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                                                                    | 4311     |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                         | 4312     |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                           | 4659     |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                            | 4933     |
| 13. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                      | 4752     |
| 14. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                     | 5021     |
| 15. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Kinh doanh than, dầu các loại.                                  | 4661     |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4721     |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                          | 4722     |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất.                                                                    | 4330     |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                       | 4390     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771        |
| 21. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                      | 7830        |
| 22. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                          | 7911        |
| 23. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510        |
| 24. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                          | 1410        |
| 25. | Sản xuất linh kiện điện tử<br>Chi tiết: Gia công vỏ điện thoại.                                                                                                         | 2610        |
| 26. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592        |
| 27. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220        |
| 28. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690        |
| 29. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610        |
| 30. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                            | 2220        |
| 31. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663(Chính) |
| 32. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100        |
| 33. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán đất nhiên liệu, đất thải. Mua bán nhựa phế thải, ống nhựa các loại.                              | 4669        |
| 34. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719        |
| 35. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                          | 1610        |
| 36. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                              | 7820        |
| 37. | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                              | 5224        |
| 38. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                      | 4530        |
| 39. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                  | 4620        |
| 40. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633        |
| 41. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632        |
| 42. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 43. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                  | 4653        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN THUYỀN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/11/1990 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121871428

Ngày cấp: 21/03/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nguồn, Xã Tự Lạn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Nguồn, Xã Tự Lạn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/11/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121871428

Ngày cấp: 21/03/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nguồn, Xã Tự Lạn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Nguồn, Xã Tự Lạn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang